

**BẢN TIN DỰ BÁO THỦY VĂN HẠN NGẮN CÁC SÔNG, KÊNH, RẠCH TỈNH AN GIANG**

**1. Diễn biến xu thế mực nước:**

- Đầu nguồn sông Cửu Long và vùng hạ lưu sông: Mực nước cao nhất ngày tại các trạm xuống theo triều trong 5 ngày tới; mực nước thấp nhất ngày biến đổi chậm trong những ngày tới.
- Nội đồng TGLX: Mực nước trên các sông, kênh, rạch trong khu vực lên chậm trong những ngày tới.

**2. Bảng số liệu dự báo từ ngày 21/6 đến 25/6/2022**

| STT | Trạm       | sông, kênh, rạch       | Cấp báo động (m) |       |        | Đặc trưng  | Mực nước thực đo (m) |                     |               | Mực nước dự báo (m) |               |               |               |               |
|-----|------------|------------------------|------------------|-------|--------|------------|----------------------|---------------------|---------------|---------------------|---------------|---------------|---------------|---------------|
|     |            |                        | BD I             | BD II | BD III |            | 20/6                 | So với cùng kỳ 2021 | So với TBNN   | 21/6                | 22/6          | 23/6          | 24/6          | 25/6          |
| 1   | Tân Châu   | Tiền                   | 3.50             | 4.00  | 4.50   | Max<br>Min | 1.52<br>0.19         | 0.10<br>0.04        | 0.21<br>-0.33 | 1.48<br>0.15        | 1.43<br>0.18  | 1.37<br>0.23  | 1.32<br>0.29  | 1.32<br>0.24  |
| 2   | Chợ Mới    | Ông Chường             | 2.00             | 2.50  | 3.00   | Max<br>Min | 1.48<br>-0.10        | 0.19<br>0.05        | 0.38<br>-0.02 | 1.44<br>-0.14       | 1.39<br>-0.11 | 1.33<br>-0.06 | 1.28<br>0.00  | 1.28<br>-0.05 |
| 3   | Khánh An   | Hậu                    | 4.20             | 4.70  | 5.20   | Max<br>Min | 1.68<br>0.94         | 0.12<br>0.26        | 0.35<br>0.18  | 1.64<br>0.90        | 1.59<br>0.89  | 1.53<br>0.91  | 1.48<br>0.94  | 1.48<br>0.90  |
| 4   | Châu Đốc   | Hậu                    | 3.00             | 3.50  | 4.00   | Max<br>Min | 1.63<br>0.12         | 0.15<br>0.09        | 0.40<br>-0.16 | 1.59<br>0.08        | 1.54<br>0.11  | 1.48<br>0.16  | 1.43<br>0.22  | 1.43<br>0.17  |
| 5   | Long Xuyên | Hậu                    | 1.90             | 2.20  | 2.50   | Max<br>Min | 1.56<br>-0.18        | 0.20<br>0.06        | 0.42<br>0.14  | 1.52<br>-0.22       | 1.47<br>-0.19 | 1.41<br>-0.14 | 1.36<br>-0.08 | 1.36<br>-0.13 |
| 6   | Vàm Nao    | Vàm Nao                | 2.50             | 2.90  | 3.30   | Max<br>Min | 1.54<br>-0.05        | 0.14<br>0.00        | 0.38<br>-0.10 | 1.50<br>-0.09       | 1.45<br>-0.06 | 1.39<br>-0.01 | 1.34<br>0.05  | 1.34<br>0.00  |
| 7   | Xuân Tô    | Vĩnh Tế                | 3.00             | 3.50  | 4.00   | Max<br>Min | 0.53<br>0.27         | 0.38<br>0.25        | 0.06<br>0.00  | 0.55<br>0.29        | 0.58<br>0.35  | 0.63<br>0.41  | 0.66<br>0.47  | 0.67<br>0.50  |
| 8   | Vĩnh Gia   | Vĩnh Tế                | 2.00             | 2.40  | 2.80   | Max<br>Min | 0.36<br>0.29         | 0.29<br>0.28        | 0.08<br>0.04  | 0.39<br>0.31        | 0.42<br>0.36  | 0.47<br>0.41  | 0.50<br>0.45  | 0.51<br>0.47  |
| 9   | Tri Tôn    | Tri Tôn                | 2.00             | 2.40  | 2.80   | Max<br>Min | 0.53<br>0.28         | 0.27<br>0.28        | -0.09<br>0.02 | 0.55<br>0.30        | 0.58<br>0.36  | 0.63<br>0.42  | 0.66<br>0.48  | 0.67<br>0.51  |
| 10  | Cô Tô      | Tri Tôn                | 1.40             | 1.80  | 2.20   | Max<br>Min | 0.70<br>0.49         | 0.30<br>0.26        | 0.37<br>0.26  | 0.69<br>0.51        | 0.72<br>0.56  | 0.77<br>0.61  | 0.80<br>0.65  | 0.81<br>0.67  |
| 11  | Lò Gạch    | Tám Ngàn               | 1.70             | 2.10  | 2.50   | Max<br>Min | 0.40<br>0.29         | 0.31<br>0.32        | 0.16<br>0.12  | 0.41<br>0.31        | 0.44<br>0.36  | 0.49<br>0.41  | 0.52<br>0.45  | 0.53<br>0.47  |
| 12  | Vọng Thê   | Ba Thê                 | 1.40             | 1.80  | 2.20   | Max<br>Min | 0.83<br>0.60         | 0.34<br>0.28        | 0.29<br>0.25  | 0.79<br>0.62        | 0.81<br>0.65  | 0.86<br>0.70  | 0.89<br>0.75  | 0.90<br>0.77  |
| 13  | Vĩnh Hạnh  | Núi Chóc<br>Năng Gù    | 1.90             | 2.30  | 2.70   | Max<br>Min | 1.10<br>0.60         | 0.33<br>0.27        | 0.33<br>0.12  | 0.99<br>0.62        | 1.01<br>0.65  | 1.06<br>0.70  | 1.09<br>0.75  | 1.10<br>0.77  |
| 14  | Núi Sập    | Rạch Giá<br>Long Xuyên | 1.40             | 1.80  | 2.20   | Max<br>Min | 0.85<br>0.56         | 0.37<br>0.32        | 0.23<br>0.13  | 0.78<br>0.58        | 0.80<br>0.61  | 0.85<br>0.66  | 0.88<br>0.71  | 0.89<br>0.73  |

**3. Cảnh báo (nếu có):**

**4. Ghi chú:**

- Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/du-bao-thuy-van>

Tin phát lúc 11h00 ngày 21/6/2022

Duyệt bản tin: Lưu Văn Ninh

Dự báo viên: Phan Minh Đạt

Huỳnh Nguyễn Khánh Loan